

I.Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập về các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9.
- Giải được các bài toán liên quan đến chia hết cho các số trên.

II.Đồ dùng.

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra:

4 HS nêu các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.

B. Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>+ Bài 1: Y/c HS đọc đề bài và tự làm bài.</p> <p>- GV có thể cho HS nêu lại các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, và 9.</p> <p>+ Bài 2: Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chữa bài.</p> <p>a) $\boxed{2}$ $\boxed{5}$ $\boxed{8}$ 5</p> <p>b) 1 $\boxed{0}$ 8 ; $\boxed{9}$ 1</p> <p>c) 92 $\boxed{0}$</p> <p>d) 25 $\boxed{0}$</p> <p>+ Bài 3: Số x phải tìm phải thỏa mãn các điều kiện nào?</p> <p>- x vừa là số lẻ, vừa là số chia hết cho 5, vậy x có tận cùng là mấy?</p> <p>- Vậy số phải tìm là số nào?</p> <p>+ Bài 4: Để biết số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ta phải chọn chữ số nào là chữ số tận cùng?</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p>+ Bài 5: Hãy tìm số nhỏ hơn 20 vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5?</p> <p>- Vậy mẹ đã mua mấy quả cam?</p> <p>-Chữa bài cho HS.</p>	<p>HS: Tự làm rồi chữa bài.</p> <p>-Chữa bài và giải thích rõ cách chọn số của mình.</p> <p>- Nêu yêu cầu sau đó tự làm bài rồi chữa bài.</p> <p>- 2 em lên bảng làm.</p> <p>-Là số lớn hơn 23 và nhỏ hơn 31; là số lẻ; là số chia hết cho 5.</p> <p>-Là 5.</p> <p>-Số 25.</p> <p>-Chữ số 0.</p> <p>-Lớp làm vở, 1 em làm bảng.</p> <p>-Các số đó là: 250; 520.</p> <p>-Dán bảng và trình bày.</p> <p>-Số 15.</p> <p>-Mẹ đã mua 15 quả cam.</p> <p>-Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm.</p> <p>-Dán bảng và trình bày.</p>

3.Củng cố , dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Thể dục

Môn thể thao tự chọn. Nhảy dây tập thể

I.Mục tiêu:

- Ôn 1 số nội dung của môn tự chọn. Yêu cầu thực hiện đúng động tác.
- Ôn nhảy dây tập thể. Yêu cầu thực hiện cơ bản đúng động tác.

II.Địa điểm - phương tiện:

Dây nhảy.

III.Nội dung và phương pháp lên lớp:

1.Phần mở đầu: - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học.	- Xoay khớp cổ tay, cổ chân, đầu gối, hông, vai - Chạy nhẹ nhàng, đi theo vòng tròn hít thở sâu. - Ôn 1 số động tác của bài thể dục phát triển chung.
2.Phần cơ bản: a.Môn tự chọn: - Đá cầu: - Ném bóng: b.Nhảy dây:	- Ôn chuyền cầu theo nhóm 2 người. - Thi tăng cầu bằng đùi. - Ôn cầm bóng, đứng chuẩn bị ngắm đích, ném bóng vào đích. - Nhảy dây theo tổ.
3.Phần kết thúc: - GV hệ thống bài. - GV nhận xét giờ học.	- Đứng hát vỗ tay, tập 1 số động tác hồi tĩnh. - Về nhà tập đều cho cơ thể khỏe.

Buổi chiều:

Luyện từ và câu

Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

I.Mục tiêu:

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (trả lời câu hỏi “ở đâu?”).
- Nhận diện được trạng ngữ chỉ nơi chốn; thêm được trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

II.Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

Gọi HS đọc đoạn văn ngắn về 1 lần em được đi chơi xa trong đó có dùng trạng ngữ.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Phần nhận xét:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>+ Bài 1:</p> <p>- Y/c HS tự làm bài theo cặp.</p> <p>- Gọi HS phát biểu.</p> <p>- GV cùng cả lớp NX, chốt lời giải đúng</p> <p>a) <u>Trước nhà</u>, mấy cây hoa giấy // nở tung bùng.</p> <p>b) <u>Trên các lễ phố</u>, <u>trước cổng các cơ quan</u>, <u>trên mặt đường nhựa</u>, từ <u>khắp năm cửa ô đổ vào</u>, hoa sáu // vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô.</p> <p>+ Bài 2: Đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được.</p> <p>- Trạng ngữ chỉ nơi chốn có ý nghĩa gì?</p> <p>- Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi nào?</p> <p>a) Mấy cây hoa giấy nở tung bùng ở đâu?</p>	<p>- HS đọc y/c và nội dung.</p> <p>- Cả lớp đọc lại các câu văn, suy nghĩ phát biểu ý kiến.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm.</p> <p>- Tiếp nối nhau đặt câu.</p> <p>- Cho biết rõ nơi chốn diễn ra sự việc trong câu.</p> <p>- ở đâu.</p> <p>b) Hoa sáu vẫn nở, vẫn vương vãi ở đâu?</p>
<p>3. Phần ghi nhớ:</p>	<p>HS: 2 - 3 em đọc nội dung ghi nhớ.</p> <p>- Đặt câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn.</p>
<p>4. Phần luyện tập:</p> <p>* Bài 1: Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- Nhận xét, KL lời giải đúng.</p> <p>* Bài 2: Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chốt lời giải đúng:</p> <p>Câu a: ở nhà (ở gia đình)</p> <p>Câu b: ở lớp (ở trường)</p> <p>* Bài 3:</p> <p>- GV cùng cả lớp NX, chốt lời giải đúng:</p> <p>a) Ngoài đường, xe cộ đi lại tấp nập.</p> <p>b) Trong nhà, mọi người đang nói chuyện sôi nổi.</p> <p>c) Trên đường đến trường, em gặp rất nhiều người.</p>	<p>- Lớp làm vở, 1 em làm bảng.</p> <p>- NX bài làm của bạn.</p> <p>Đáp án: Trước rạp; Trên bờ; Dưới những mái nhà ẩm ướt.</p> <p>HS: Đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- Làm bài cá nhân vào vở bài tập.</p> <p>- 1 số HS làm vào phiếu, lên dán bảng.</p> <p>C: Ngoài vườn (trong vườn)</p> <p>HS: Đọc nội dung bài tập, làm bài cá nhân vào vở.</p> <p>- 4 HS lên bảng làm.</p>

d) ở bên kia sườn núi, hoa nở trắng cả một vùng.

- GV chữa bài cho HS.

5.Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Yêu cầu học thuộc nội dung ghi nhớ và làm bài tập.

Luyện toán

Ôn tập về số tự nhiên

I.Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập về các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9.
- Giải được các bài toán liên quan đến chia hết cho các số trên.

II.Đồ dùng.

Vở bài tập toán trang 85+86. Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Bài 1.Viết tiếp vào chỗ chấm. -Y/c HS nhắc lại các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9. -Gọi HS lên bảng làm. -NX, chữa bài. a)+Các số chia hết cho 2 là: +Các số chia hết cho 3 là: +Các số chia hết cho 5 là: +Các số chia hết cho 9 là: b)Các số chia hết cho cả 3 và 5 là: c)Các số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là: Bài 2.Y/c HS nhớ lại các dấu hiệu chia hết và tự viết số. -NX, khen ngợi HS viết số đúng. Bài 3.Y/c HS nêu dấu hiệu chia hết cho cả 2 và 3. -Y/c HS dựa vào dấu hiệu vừa nêu và tìm số thích hợp. Bài 4.Cho HS tự làm bài.	-Tiếp nối nhau nêu dấu hiệu chia hết. -Lớp làm vở, 3 em làm bảng. -NX bài làm của bạn. -524; 1080; 2056; -615; 1080; 9207; 10 221; -615; 1080; 31 025 -1080; 9207; -615; 1080 -615; 10 221; -Làm bài cá nhân vào vở. -Tiếp nối nhau đọc số mình viết được. -NX xem bạn viết số có đúng y/c không -Số chia hết cho cả 2 và 3 phải có chữ số tận cùng là số chẵn và có tổng các chữ số chia hết cho 3. -Đáp án C.6, ta có số 216. -Số viết được: 305

Bài 5. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài toán. Số bánh Lan có phải là một số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, lớn hơn 12 và nhỏ hơn 30.

- Chốt đáp án đúng.

- Dựa vào dấu hiệu chia hết cho 2 và 5 để tìm được số bánh của Lan là 20 cái vì số chia hết cho cả 2 và 5 phải có chữ số 0 tận cùng mà trong khoảng từ 12 đến 30 chỉ có số 20.

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Luyện tiếng việt

Luyện tập: Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

I. Mục tiêu:

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (trả lời câu hỏi “ở đâu?”).
- Nhận diện được trạng ngữ chỉ nơi chốn; thêm được trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu

II. Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Nội dung:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>Bài 1. Trong các câu văn sau những câu nào có trạng ngữ chỉ nơi chốn.</p> <p>a) Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.</p> <p>b) Hôm ở rừng học sa bàn đánh vào Đất Đỏ, anh Ba Đẩu nói về Đất Đỏ là về quê hương của chị Võ Thị Sáu.</p> <p>c) Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lạnh lạnh.</p> <p>d) Trên sân ga, đoàn tàu đã chờ sẵn, dài như con rắn lớn, bất động.</p> <p>- Y/c HS suy nghĩ tìm đáp án.</p> <p>- NX, kết luận đáp án đúng.</p>	<p>- Suy nghĩ và tìm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho từng câu.</p> <p>- Lớp làm vở, 2 em làm bảng.</p> <p>+ Các câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn là: a, b, d.</p>
<p>Bài 2. Thêm các bộ phận câu cần thiết để hoàn chỉnh các câu dưới đây.</p> <p>a) Trên những thửa ruộng bậc thang,</p> <p>.....</p> <p>b) Dưới bóng tre xanh,</p> <p>c) Trong hầm lò,</p>	<p>- ... bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô.</p> <p>- ... chúng em nô đùa thỏa thích.</p> <p>- ... các chú công nhân đang khai thác than.</p>

<p>d) Ngoài đường,</p> <p>Bài 3. Viết đoạn văn ngắn theo đề bài sau: <i>Thuật lại một buổi đi thăm cảnh đẹp</i>. Trong đoạn văn đó có chứa trạng ngữ chỉ nơi chốn. Viết xong, gạch dưới trạng ngữ chỉ nơi chốn đó.</p> <p>-NX, khen ngợi những HS viết hay, có trạng ngữ đúng.</p>	<p>-... người xe đi lại như mắc cửi.</p> <p>-Suy nghĩ và viết bài theo y/c.</p> <p>-Tiếp nối nhau đọc và nêu trạng ngữ trong bài viết của mình.</p> <p>-NX bài của bạn.</p>
--	---

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Yêu cầu học thuộc nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

Thứ sáu ngày 3 tháng 4 năm 2015

Buổi sáng:

Thể dục

Môn thể thao tự chọn. Trò chơi: Con sâu đo

I. Mục tiêu:

- Ôn 1 số nội dung của môn tự chọn. Yêu cầu thực hiện cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.
- Trò chơi “Con sâu đo”. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động.

II. Địa điểm, phương tiện:

Sân trường, dụng cụ

III. Các hoạt động:

1. Phần mở đầu:

<p>- GV tập trung lớp, phổ biến nội dung và yêu cầu giờ học.</p> <p>2. Phần cơ bản:</p> <p><i>a. Môn tự chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá cầu: 9 - 11 phút. - Ném bóng: 9 - 11 phút. <p><i>b. Trò chơi vận động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu tên trò chơi, phổ biến cách chơi và luật chơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khởi động xoay các khớp cổ tay, cổ chân, đầu gối, hông, vai. - Chạy nhẹ nhàng trên địa hình. - Đi theo vòng tròn và hít thở sâu. - Ôn 1 số động tác của bài thể dục. <ul style="list-style-type: none"> - Tập theo nhóm tăng câu bằng đùi. - Ôn chuyên câu theo nhóm 3 người. - Ôn cầm bóng, đứng chuẩn bị ngắm đích. - Thi ném bóng trúng đích. <ul style="list-style-type: none"> - Chơi thử 1 lần. - Cả lớp chơi thật, có phân thắng thua và thưởng phạt.
---	---

3.Phần kết thúc:

- GV hệ thống bài.

- GV nhận xét, đánh giá kết quả giờ học.

- Tập 1 số động tác hồi tĩnh.

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả con vật

I.Mục tiêu:

- Ôn lại kiến thức cơ bản về đoạn văn qua bài văn miêu tả con vật.
- Biết thể hiện kết quả quan sát các bộ phận của con vật; sử dụng các từ ngữ miêu tả để viết đoạn văn.

II.Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra bài cũ:

HS nêu dàn ý của bài văn miêu tả con vật.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
+ Bài 1: - GV gọi HS phát biểu ý kiến. - Nhận xét, chốt lời giải: Đoạn 1: Từ đầu đến phân vân. Đoạn 2: Còn lại.	HS: Đọc bài “Con chuồn chuồn nước” trong SGK xác định các đoạn văn trong bài. Tìm ý chính của từng đoạn. ý chính: Đ1: Tả ngoại hình của chú chuồn chuồn lúc đậu một chỗ. - Đ2: Tả chú chuồn chuồn lúc tung cánh bay kết hợp tả cảnh đẹp của thiên nhiên theo cánh bay của chúng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận. -Đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh.
+ Bài 2: Y/c HS làm việc theo cặp. - GV cùng cả lớp NX và chốt lời giải: “Con chim gáy nục. Đôi mắt nâu biêng biếc. Chàng chim gáy giọng càng trong cườm đẹp.”	HS: 1 em đọc nội dung bài. HS: Nhìn tranh viết đoạn văn. - 1 số em đọc lại đoạn văn của mình.
+ Bài 3: - GV nhắc HS mỗi em phải viết 1 đoạn có câu mở đoạn cho sẵn. - GV dán tranh, ảnh gà trống lên bảng.	

- GV nhận xét, sửa chữa.

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà viết tiếp cho hoàn chỉnh đoạn văn.

Toán

ôn tập về các phép tính với số tự nhiên

I. Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập về phép cộng, phép trừ các số tự nhiên: Cách làm, tính chất, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, giải các bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ.

II. Đồ dùng dạy học.

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
+ Bài 1: Củng cố kỹ thuật tính cộng trừ (Đặt tính, thực hiện phép tính) + Bài 2: - GV hỏi HS về tìm số hạng chưa biết, tìm số bị trừ chưa biết. + Bài 3: Củng cố tính chất của phép cộng, trừ, củng cố về biểu thức chứa chữ. - Khi chữa bài, GV có thể cho HS phát biểu lại các tính chất của phép cộng, trừ. + Bài 4: Vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính bằng cách thuận tiện nhất. a) $1268 + 99 + 501$ $= 1268 + (99 + 501)$ $= 1268 + 600$ $= 1868$ + Bài 5: Y/c HS tự làm bài. - Chữa bài và khen ngợi HS.	HS: Tự làm bài, đổi vở cho nhau để kiểm tra chéo. HS: Tự làm bài rồi chữa bài. HS: Nêu yêu cầu của bài rồi làm bài và chữa bài. HS: Đọc yêu cầu và làm bài. - 2 HS lên bảng chữa bài. b) $87 + 94 + 13 + 6$ $= (87 + 13) + (94 + 6)$ $= 100 + 100$ $= 200$ HS: Đọc bài toán và tự làm bài. - Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm. - Dán bảng và trình bày.

Trường tiểu học Thăng Lợi quyền góp được số vở là:
 $1475 - 184 = 1291$ (quyển)
Cả hai trường quyền góp được là:
 $1475 + 1291 = 2766$ (quyển)
Đáp số: 2766 quyển.

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Địa lý

Biển, đảo và quần đảo

I. Mục tiêu:

- HS biết chỉ trên bản đồ Việt Nam vị trí Biển Đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Hạ Long, vịnh Thái Lan, các đảo và quần đảo Cái Bầu, Cát Bà, Phú Quốc
- Trình bày 1 số đặc điểm tiêu biểu của biển đảo và quần đảo của nước ta.
- Vai trò của biển Đông, các đảo và quần đảo đối với nước ta.

II. Đồ dùng dạy học:

Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

Đà Nẵng có điều kiện gì để phát triển du lịch?

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Vùng biển Việt Nam:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
* <i>Hoạt động 1: Làm việc cá nhân (theo cặp).</i> + Bước 1: ? Chỉ vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan trên lược đồ ? Vùng biển của nước ta có đặc điểm gì ? Biển có vai trò như thế nào đối với nước ta	HS: Quan sát hình và trả lời câu hỏi câu hỏi sau: - 1 vài em lên chỉ. - Có diện tích rộng và là một bộ phận của biển Đông. - Biển là kho muối vô tận, đồng thời có nhiều khoáng sản, hải sản quý, có vai trò điều hòa khí hậu, có nhiều bãi biển đẹp thuận lợi cho việc phát triển du lịch.
3. Đảo và quần đảo: - GV chỉ vào đảo, quần đảo trên biển Đông và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Em hiểu thế nào là đảo, quần đảo	HS: Quan sát bản đồ để trả lời câu hỏi. - Đảo là một bộ phận đất nổi, nhỏ hơn

<p>? Nơi nào ở biển nước ta có nhiều đảo nhất</p> <p>* <i>Hoạt động 2: Làm việc theo nhóm.</i></p> <p>- GV chia nhóm, nêu câu hỏi (SGV).</p> <p>- GV và cả lớp nhận xét. => Kết luận: (SGK).</p>	<p>lục địa, xung quanh có nước biển và đại dương bao bọc.</p> <p>- Quần đảo là nơi tập trung nhiều đảo.</p> <p>- ở phía bắc vịnh Bắc Bộ nơi có nhiều đảo nhất.</p> <p>- Dựa vào tranh ảnh SGK trả lời câu hỏi.</p> <p>- Đại diện các nhóm lên trình bày.</p> <p>HS: 3 - 4 em đọc lại.</p>
---	---

4.Củng cố , dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Buổi chiều:

Luyện toán

ôn tập về các phép tính với số tự nhiên

I.Mục tiêu:

- Giúp HS ôn tập về phép cộng, phép trừ các số tự nhiên: Cách làm, tính chất, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, giải các bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ.

II.Đồ dùng dạy học.

Vở bài tập toán (Trang 87-88). Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS làm bài tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>Bài 1.Đặt tính rồi tính.</p> <p>-Gọi HS nhắc lại cách đặt tính cộng, trừ số tự nhiên.</p> <p>-Chữa bài và NX.</p> <p>Bài 2.Tìm x</p> <p>-Y/c HS nêu các thành phần trong từng phép tính.</p>	<p>-2 em nhắc lại.</p> <p>-Lớp làm vở, 2 em làm bảng. Mỗi em làm 1 phép cộng và 1 phép trừ.</p> <p>-NX bài làm của bạn.</p>

- a) Tìm số hạng chưa biết.
b) Tìm số bị trừ.
-Gọi 2 HS lên bảng làm.

-NX và chữa bài.

$$\begin{aligned} \text{a) } x + 216 &= 570 \\ x &= 570 - 216 \\ x &= 354 \end{aligned}$$

Bài 3. Y/c HS nhớ lại các tính chất của phép cộng (trừ) số tự nhiên để làm bài.

$$7 + a = a + 7$$

$$(a + b) + 5 = a + (b + 5)$$

$$0 + m = m + 0 = m$$

Bài 4. Y/c HS áp dụng các tính chất để tính thuận tiện

$$\begin{aligned} \text{a) } 68 + 95 + 32 + 5 \\ &= (68 + 32) + (95 + 5) \\ &= 100 + 100 \\ &= 200 \end{aligned}$$

Bài 5. Hướng dẫn HS phân tích bài toán sau đó y/c các em tự làm bài.

-NX, kết luận đáp án đúng.

3. Cùng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

-Lấy tổng trừ số hạng đã biết.

-Lấy hiệu cộng với số trừ.

-2 em làm bảng, lớp làm bài vào vở.

-NX bài làm của bạn.

$$\begin{aligned} \text{b) } x - 129 &= 427 \\ x &= 427 + 129 \\ x &= 556 \end{aligned}$$

-Tự làm bài cá nhân.

$$a - 0 = a$$

$$a - a = 0$$

-Lớp làm vở, 2 em làm bảng.

$$\begin{aligned} \text{b) } 102 + 7 + 243 + 98 \\ &= (102 + 98) + (7 + 243) \\ &= 200 + 250 \\ &= 450 \end{aligned}$$

-Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm.

-Dán bảng và trình bày.

-NX bài làm của bạn.

Giải: Số tiền tiết kiệm của em là:

$$135\ 000 - 28\ 000 = 107\ 000 \text{ (đồng)}$$

Cả 2 người tiết kiệm được số tiền là:

$$135\ 000 + 107\ 000 = 242\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 242 000 đồng

Tiếng Anh

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Hoạt động tập thể

Sơ kết tuần

I. Mục tiêu.

- Đánh giá việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần của HS.
- Nêu phương hướng và kế hoạch hoạt động tuần 32

-Rèn luyện tinh thần và ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện.

II.Nội dung.

1.Nhận xét việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần.

-Nề nếp: Đi học tương đối đầy đủ, đúng giờ.

-Vệ sinh lớp học và sân trường sạch sẽ.

-Học tập: Trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái giơ tay phát biểu xây dựng bài.

2.Phương hướng tuần 32.

-Phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những tồn tại của tuần 31

-Tiếp tục công tác rèn chữ, giữ vở.

-Thi đua dạy tốt, học tốt lập thành tích chào mừng ngày Giải phóng Miền Nam 30/4 và ngày Quốc tế Lao động 1/5.

-Tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua do nhà trường phát động.

